

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2018/KDTM - ST**
Ngày: 15/3/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hạnh – Thẩm phán;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt;
2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 21/2016/TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2016 về: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 05 Tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐ – HPT ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QT

Địa chỉ: đường A, phường P, quận H, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc T và Ông Hoàng Minh T cán bộ ngân hàng(Theo giấy ủy quyền số 3.0061.16 ngày 13.06.2016).

(Có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH NP

Địa chỉ: Khu công nghiệp M, xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội nay là phường C, Quận B, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: ông Trần Đình C - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH NP. (Vắng mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Đình C, sinh năm 1961
 2. Bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1963.
 3. Cụ Bùi Thị Phương L, sinh năm 1928.
 4. Chị Trần TA, sinh năm 1990.
- Đều cư trú tại: Tổ 2*B, phố G, Quận H, TP. Hà Nội.
5. Ông Đoàn Khắc M, sinh năm 1951.
 6. Bà Trần Thị T, sinh năm 1956.
 7. Ông Đoàn Tiến T, sinh năm 1980.
 8. Ông Đoàn Anh V, sinh năm 1983.
 9. Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1983.
 10. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989.

Đều ĐKNKTT và cư trú tại: phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội.

(Người liên quan đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2014 cùng các tài liệu, chứng cứ và những lời khai tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/6/2012, Công ty NP ký kết Hợp đồng tín dụng số 003DN075/2012/HĐTD-VIB với Ngân hàng TMCP QT, tổng hạn mức là 18.400.000.000 đồng với mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu nhựa, màng nhựa, đường ăn. Thời hạn vay: Theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, mỗi khế ước không quá 06 tháng, sau đó mỗi khế ước nhận nợ được gia hạn thêm 06 tháng.

Cụ thể từng khế ước như sau

Số khế ước	Ngày giải ngân	Số tiền giải ngân	LS giải ngân/năm	Còn lại			Tổng cộng
				Gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	
075.01	04.7.2012	2,250,000,000	18%	239,400,153	-	202,721,432	442,121,585
075.02	16.7.2012	2,100,000,000	15.50%	2,100,000,000	89,250,000	413,724,937	2,602,974,937

075.03	27.7.2012	2,175,000,000	15%	2,175,000,000	102,406,250	422,901,638	2,700,307,888
075.04	03.8.2012	2,000,000,000	14.50%	2,000,000,000	100,000,000	449,441,235	2,549,441,235
075.05	13.9.2012	1,230,000,000	14.50%	1,230,000,000	81,282,500	255,353,363	1,566,635,863
075.06	17.9.2012	1,100,000,000	14.50%	1,100,000,000	74,158,333	225,379,256	1,399,537,589
075.07	11.10.2012	355,729,091	14.50%	355,729,091	22,233,068	72,536,619	450,498,778
075.08	16.10.2012	2,000,000,000	14.50%	2,000,000,000	128,333,333	440,107,645	2,568,440,978
075.09	16.11.2012	4,300,000,000	14.50%	4,300,000,000	296,726,756	804,726,652	5,401,453,408
Tổng		17,510,729,091		15,500,129,244	894,390,240	3,286,892,777	19,681,412,261

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 2*, tờ bản đồ số 5*-IV-37(1997), diện tích 140.9 m² số Giấy CNQSDĐ: 10107430145 do UBND TP. Hà Nội cấp 16/8/2000 cho Bà Bùi Thị T và được sang tên cho Bà Bùi Thị Phương L tại địa chỉ: tổ 2*B, phố G, phường B, Quận H, TP. Hà Nội.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 46, tờ bản đồ số 01, diện tích 566 m² số Giấy CNQSDĐ: BC 655661 do UBND Huyện Gia Lâm cấp 08/10/2010 cho Bà Nguyễn Thị Hương Giang tại địa chỉ: Thôn Giang Cao, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội. *(Tài sản này hai bên đã thỏa thuận giải quyết xong nên không yêu cầu giải quyết nữa)*

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 010127552404904 do UBND Quận Ba Đình cấp ngày 12/3/2009 cho hộ Ông Đoàn Khắc M.

- Quyền sử dụng đất tại Bắc Cầu Hạc, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa số BH 733676 do UBND TP. Thanh Hóa cấp ngày 22/11/2011 cho ông Trần Đình C. Trong quá trình xử lý nợ Công ty đã có công văn gửi VIB ngày 23/4/2014 xin được nộp 1,8 tỷ để rút tài sản này ra và được VIB chấp thuận. *(Tài sản này hai bên đã thỏa thuận giải quyết xong nên không yêu cầu giải quyết nữa)*

Các tài sản bảo đảm nêu trên đã được ký hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2015/KDTM-ST ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã xét xử sơ thẩm sau đó có kháng cáo của phía nguyên đơn.

Tại bản án số 46/2016/KDTM-PT của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 22/6/2016 đã hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13/2015/KDTM-ST ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Do vậy tính đến ngày 15/3/2018, Công ty NP còn nợ Ngân hàng TMCP QT gọi tắt V*B tổng số tiền là: **16.287.023.455 đồng**, trong đó:

- Nợ gốc: 8.500.129.244 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 894.390.240 đồng.
- Nợ lãi quá hạn tạm tính: 7.345.652.454 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và xử lý nợ đối với khoản vay của Công ty NP, các chủ Tài sản bảo đảm của các tài sản bảo đảm đã xin nộp tiền và giải chấp đối với 02 tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 4*, tờ bản đồ số *1, diện tích 566 m² số Giấy CNQSDĐ: BC 655661 do UBND Huyện G cấp 08/10/2010 cho Bà Nguyễn Thị Hương G tại địa chỉ: Thôn C, Xã B, Huyện G, TP. Hà Nội.

- Quyền sử dụng đất tại Bắc Cầu Hạc, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa số BH 733676 do UBND TP. Thanh Hóa cấp ngày 22/11/2011 cho ông Trần Đình C.

Đối với 02 tài sản bảo đảm này, Ngân hàng TMCP QT và các bên có liên quan đã thỏa thuận được việc nộp tiền và giải chấp tài sản xong không có tranh chấp nên Ngân hàng TMCP QT không đề nghị TAND quận Bắc Từ Liêm xem xét và giải quyết.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT đề nghị Tòa án:

Buộc Công ty NP phải trả ngay cho V*B toàn bộ khoản nợ với tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/3/2018 là: **16.287.023.455** trong đó: nợ gốc là 8.500.129.244 đồng, nợ lãi trong hạn là 894.390.240 đồng, và nợ lãi quá hạn là 7.345.652.454 đồng.

đồng. Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn cho đến khi tất toán khoản vay trên theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên.

Trong trường hợp Công ty NP không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán Quyết có hiệu lực của Tòa án nhân dân có thẩm quyền thì V*B được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên và phát mại các tài sản bảo đảm nêu trên để xử lý thu hồi nợ.

*** *Tại bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ đại diện bị đơn Công ty TNHH NP là ông Trần Đình C trình bày:***

Công ty TNHH NP thừa nhận có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT Hợp đồng tín dụng số 003DN075/2012/HĐTD-VIB ngày 15/6/2012, tổng hạn mức là 18.400.000.000 đồng với mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu nhựa, màng nhựa, đường ăn. Thời hạn vay: Theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, mỗi khế ước không quá 06 tháng, sau đó mỗi khế ước nhận nợ được gia hạn thêm 06 tháng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên là:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 2*, tờ bản đồ số 5*-IV-37(1997), diện tích 140.9 m² số Giấy CNQSDĐ: 10107430145 do UBND TP. Hà Nội cấp 16/8/2000 cho Bà Bùi Thị T và được sang tên cho Bà Bùi Thị Phương L tại địa chỉ: Tổ 2*B, phố B, phường G, Quận H, TP. Hà Nội.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 4*, tờ bản đồ số *1, diện tích 566 m² số Giấy CNQSDĐ: BC 655661 do UBND Huyện G cấp 08/10/2010 cho Bà Nguyễn Thị Hương G tại địa chỉ: Thôn C, Xã B, Huyện G, TP. Hà Nội.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 010127552404904 do UBND Quận B cấp ngày 12/3/2009 cho hộ Ông Đoàn Khắc M.

- Quyền sử dụng đất tại Bắc Cầu Hạc, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa số BH 733676 do UBND TP. Thanh Hóa cấp ngày 22/11/2011 cho ông Trần Đình C. Trong quá trình xử lý nợ Công ty đã có công văn gửi V*B ngày 23/4/2014 xin được nộp 1,8 tỷ để rút tài sản này ra và được V*B chấp thuận.

Công ty TNHH NP xác nhận đến nay còn nợ V*B số tiền gốc là **8.500.129.244 đồng** và toàn bộ số tiền lãi như Ngân hàng đã tính theo hợp đồng đã ký. Nay ngân hàng đòi nợ công ty quan điểm của tôi là: Công ty có trách nhiệm trả nợ cho Ngân

hàng số tiền nợ gốc và xin Ngân hàng giảm trừ số lãi cho công ty. Các hợp đồng bảo lãnh, thế chấp tài sản đề nghị xử lý theo pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- ***Cụ Bùi Thị Phương L trình bày:*** Tôi là mẹ đẻ của anh C. Tôi có biết năm 2006 anh C có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP QT để vay vốn. Trong đó có sử dụng tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 2*, tờ bản đồ số 5*-IV-37(1997), diện tích 140.9 m² số Giấy CNQSDĐ: 10107430145 do UBND TP. Hà Nội cấp 16/8/2000 cho Bà Bùi Thị T và được sang tên cho tôi. Việc vay mượn thế chấp trả nợ thế nào tôi không biết vì khi làm thủ tục anh C và Ngân hàng thực hiện chỉ bảo tôi ra ký và tôi chỉ biết ký. Nay Ngân hàng khởi kiện anh C đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét để đảm bảo để tôi có điều kiện lo chỗ ăn ở hiện nay bà đã quá già không đi lại được.

Bà Nguyễn Thị Hương G trình bày: Trước đây bà và ông Trần Đình C là vợ chồng, tuy nhiên đến ngày 13 tháng 10 năm 2014 thì bà và ông Trần Đình C đã ly hôn theo bản án số 61/2013/LHST của Tòa án nhân dân quận H. Vì vậy, vụ kiện giữa Ngân hàng thương mại cổ phần QT và Công ty TNHH NP do ông Trần Đình C là giám đốc tôi không có liên quan gì vì tôi không tham gia vào vay tiền giữa Công ty NP với Ngân hàng mà tôi chỉ là người có tài sản là nhà đất tại G, Hà Nội và Thanh Hóa. Nhưng đến nay hai khối tài sản của tôi đã được xử lý xong, Ngân hàng đã thu hồi và giải chấp 02 khối tài sản này không có tranh chấp gì. Việc giải chấp của Ngân hàng đã kết thúc, tôi không có ý kiến gì. Đồng thời các tài sản thế chấp còn lại tôi cũng không có liên quan gì. Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Chị Trần TA trình bày: Về hợp đồng tín dụng giữa Công ty NP với Ngân hàng TMCP QT tôi không được biết. Nay có việc khởi kiện đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Ông Đoàn Khắc M trình bày: Do có quan hệ thân thiết với Công ty NP nên ngày 06/8/2009 gia đình tôi có ký hợp đồng thế chấp khối tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 010127552404904 do UBND Quận B cấp ngày 12/3/2009 cho hộ gia đình tôi. Tài sản thế chấp để vay 550.000.000đ, bảo đảm cho khoản vay tối đa không quá 800.000.000đ. Hiện nay Ngân hàng TMCP QT khởi kiện Công ty NP theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Tôi yêu cầu Công ty NP giải quyết để trả số nợ cho gia đình tôi. Trường hợp Công ty không trả được nợ gia đình tôi đề nghị quý Tòa căn cứ theo pháp luật giải quyết để đảm bảo lợi ích cho gia đình tôi.

Anh Đoàn Tiến T trình bày: Tháng 6/2012 gia đình tôi có cho ông C - giám đốc Công ty NP mượn để vay một khoản tiền, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 010127552404904 do UBND Quận B cấp ngày 12/3/2009 cho hộ Ông Đoàn Khắc M để ông C thế chấp vay vốn Ngân hàng. Tài sản thế chấp cho khoản vay không quá 800 triệu. Nay Ngân hàng đòi nợ công ty N tôi đề nghị Công ty có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng để đảm bảo lợi ích cho gia đình tôi.

Bà Trần Thị T, anh Đoàn Anh V, chị Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị Thu T cùng nhất trí trình bày: Tại thời điểm năm 2009 gia đình tôi có cho Công ty TNHH NP mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội để thế chấp, vay tiền của Ngân hàng TMCP QT với số tiền tại thời điểm vay là 550.000.000đ. Nay Ngân hàng QT đòi nợ Công ty NP, chúng tôi đề nghị Công ty có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng để đảm bảo lợi ích cho gia đình chúng tôi.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc Công ty NP phải trả ngay cho VIB toàn bộ khoản nợ với tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/1/2018 là: **16.287.023.455** trong đó: nợ gốc là 8.500.129.244 đồng, nợ lãi trong hạn là 894.390.240 đồng, và nợ lãi quá hạn là 7.345.652.454 đồng. Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn cho đến khi tất toán khoản vay trên theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên. Trong trường hợp Công ty NP không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa án thì VIB được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên và phát mại các tài sản bảo đảm nêu trên để xử lý thu hồi nợ.

- Bị đơn: Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người liên quan: Cụ Bùi Thị Phương L; chị Trần TA; anh Đoàn Văn V; chị Nguyễn Thanh T; chị Phạm Thị Thu T, Ông Trần Khắc M, bà Trần Thị T, ông Trần Đình C, bà Nguyễn Thị Hương G vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ kiện phát sinh từ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP QT với Công ty TNHH NP có trụ sở tại: Khu công nghiệp M, xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội nay là phường C, Quận B, TP. Hà Nội. Công ty TNHH NP không thanh toán hợp đồng tín dụng trên được tính đến ngày 15/03/2018, với số tiền nợ gốc là: 8.500.129.244 đồng; nợ lãi trong hạn là 894.390.240 đồng, và nợ lãi quá hạn là 7.345.652.454 đồng. Tổng số tiền nợ là: 16.287.023.455 đồng (Mười sáu triệu hai trăm) vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần Đình C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hương G; ông Đoàn Khắc M và bà Trần Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt họ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cụ Bùi Thị Phương L; Chị Trần TA; ông Đoàn Anh V; bà Phạm Thị Thu T; bà Nguyễn Thanh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

Xét yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng số 003DN075/2012/HĐTD-VIB giữa Ngân hàng TMCP QT với Công ty TNHH NP có nội dung như sau: Tổng hạn mức là 18.400.000.000 đồng với mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu nhựa, màng nhựa, đường ăn. Thời hạn vay: theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, mỗi khế ước không quá 06 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên phía công ty TNHH NP có 4 khối tài sản bảo đảm sau: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 2*, tờ bản đồ số 5*-IV-37(1997), diện tích 140.9 m² số Giấy CNQSDĐ: 10107430145 do UBND TP. Hà Nội cấp 16/8/2000 cho Bà Bùi Thị T và được sang tên cho Bà Bùi Thị Phương L tại địa chỉ: tổ 2*B, phố G, phường B, Quận H, TP. Hà Nội; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 4*, tờ bản đồ số *1, diện tích 566 m² số Giấy CNQSDĐ: BC 655661 do

UBND Huyện G cấp 08/10/2010 cho Bà Nguyễn Thị Hương G tại địa chỉ: Thôn C, Xã B, Huyện G, TP. Hà Nội; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 010127552404904 do UBND Quận B cấp ngày 12/3/2009 cho hộ Ông Đoàn Khắc M; Quyền sử dụng đất tại Bắc Cầu Hạc, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa số BH 733676 do UBND TP. Thanh Hóa cấp ngày 22/11/2011 cho ông Trần Đình C. Như vậy hợp đồng tín dụng số 003DN075/2012/HĐTD-VIB giữa Ngân hàng TMCP QT với Công ty TNHH NP và các khế ước nhận nợ kèm theo đã được xác nhận là hoàn toàn hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng phía công ty NP thanh toán không đầy đủ đúng hạn như sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng. Ngày 19/8/2014 Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã thụ lý đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng nêu trên của Ngân hàng TMCP QT. Trong quá trình giải quyết vụ án phía công ty TNHH NP đã giải chấp và xử lý 02 tài sản bảo đảm để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP QT. Hiện nay công ty TNHH NP không còn khả năng trả nợ. Tính đến ngày 15/03/2018 phía công ty TNHH NP còn nợ lại Ngân hàng TMCP QT số tiền nợ gốc là **8.500.129.244 đồng**. Nay Ngân hàng TMCP QT yêu cầu công ty TNHH NP phải trả cho Ngân hàng TMCP QT số tiền là có căn cứ.

Xét yêu cầu tính lãi của ngân hàng TMCP QT Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 003DN075/2012/HĐTD-VIB giữa Ngân hàng TMCP QT với Công ty TNHH NP thì các bên đã thỏa thuận về cách tính lãi trong hạn và lãi quá hạn cũng như từ thời điểm công ty TNHH NP vi phạm hợp đồng tín dụng từ ngày 05/6/2013. Ngân hàng VIB áp dụng mức lãi xuất là 18,5%/năm đến 14,5%/năm cho mỗi khế ước nhận nợ, lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất nợ trong hạn điều chỉnh mức lãi xuất theo thỏa thuận trong hợp đồng và khế ước nhận nợ là 3 tháng điều chỉnh lãi xuất một lần. VIB đã điều chỉnh lãi xuất trong suốt quá trình khách hàng vi phạm cam kết trả nợ và đến thời điểm xét xử đã điều chỉnh lãi xuất là 8%/năm và lãi xuất quá hạn là 12%/năm, việc điều chỉnh lãi xuất phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Hơn nữa phía công ty TNHH NP không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ngân hàng TMCP QT đối với số nợ lãi trong hạn là **894.390.240 đồng**, nợ lãi quá hạn là **7.345.652.454 đồng**. Do vậy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía ngân hàng TMCP QT đối với công ty TNHH NP về tổng số tiền là **16.287.023.455 đồng**, trong đó: nợ gốc là **8.500.129.244 đồng**, nợ lãi trong hạn là **894.390.240 đồng**, nợ lãi quá hạn là **7.345.652.454 đồng**

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay trong trường hợp Công ty NP không thanh toán được nợ Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ ký kết giữa các bên cũng như lời trình bày của các đương sự xác định được 04 tài sản bảo đảm nêu trên cùng liên đới bảo đảm cho 01 nghĩa vụ thanh toán của công ty TNHH NP tại ngân hàng TMCP QT.

Đối với 02 khối tài sản là: Quyền sử dụng đất tại Bắc Cầu Hạc, phường Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa số BH 733676 do UBND TP. Thanh Hóa cấp ngày 22/11/2011 cho ông Trần Đình C. Trong quá trình xử lý nợ Công ty đã có công văn gửi VIB ngày 23/4/2014 xin được nộp 1,8 tỷ để rút tài sản này ra và được VIB chấp thuận và Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 4*, tờ bản đồ số *1, diện tích 566 m² số Giấy CNQSDĐ: BC 655661 do UBND Huyện G cấp 08/10/2010 cho Bà Nguyễn Thị Hương G tại địa chỉ: Thôn C, Xã B, Huyện G, TP. Hà Nội. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đã thỏa thuận giải quyết xong đối với hai khối tài sản này. Ngân hàng cũng đã thu hồi, giải chấp đối với hai khối tài sản này và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hai khối tài sản này nữa các đương sự liên quan đến hai khối tài sản này nhất trí không có thắc mắc gì. Sau khi Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý vụ án để giải quyết theo trình tự sơ thẩm lại thì các đương sự liên quan đến hai khối tài sản trên đều xác định đã giải chấp xong không có ý kiến thắc mắc gì nên không xem xét, xử lý đối với hai khối tài sản trên.

Đối với hai khối tài sản tại phường G và phường V là:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 2*, tờ bản đồ số 5*-IV-37(1997), diện tích 140.9 m² số Giấy CNQSDĐ: 10107430145 do UBND TP. Hà Nội cấp 16/8/2000 cho Bà Bùi Thị T và được sang tên cho Bà Bùi Thị Phương L tại địa chỉ: tổ 2*B, phố B, phường G, Quận H, TP. Hà Nội.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 010127552404904 do UBND Quận B cấp ngày 12/3/2009 cho hộ Ông Đoàn Khắc M.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét thấy hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa Ngân hàng với các bên có tài sản thế chấp đều được các bên tự nguyện tham gia, tài sản dùng thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người thế chấp. Hợp đồng thế chấp đều được đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng công chứng và đều đã được đăng ký đảm bảo tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Nên hợp đồng thế chấp này là hợp pháp và đúng pháp luật.

Do đó, yêu cầu xử lý 02 tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 2*, tờ bản đồ số 5*-IV-37(1997), diện tích 140.9 m² số Giấy

CNQSDĐ: 10107430145 do UBND TP. Hà Nội cấp 16/8/2000 cho Bà Bùi Thị T và được sang tên cho Bà Bùi Thị Phương L tại địa chỉ: tổ 2*B, phố B, phường G, Quận H, TP. Hà Nội; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 010127552404904 do UBND Quận B cấp ngày 12/3/2009 cho hộ Ông Đoàn Khắc M của Ngân hàng TMCP QT trong trường hợp Công ty TNHH NP không thanh toán được nợ được chấp nhận.

- Về án phí: Bị đơn là Công ty TNHH NP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự. Án phí của vụ án được tính với số tiền là: 124.287.455đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điều 144, Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều: 292, 342, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 91; Khoản 2, Khoản 4 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân TMCP QT về việc tranh chấp “Hợp đồng số 003DN075/2012/HĐTD-VIB ngày 15/6/2012” đối với Công ty TNHH NP.

2. Buộc Công ty TNHH NP phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT số tiền nợ, nợ lãi tính đến ngày 15/3/2018 là: Nợ gốc là **8.500.129.244 đồng**, nợ lãi trong hạn là **894.390.240 đồng**, nợ lãi quá hạn là **7.345.652.454 đồng**. Tổng số nợ gốc và nợ lãi là **16.287.023.455 đồng (Mười sáu tỷ hai trăm tám bảy triệu không trăm hai ba nghìn bốn trăm lăm lăm đồng)**

Trong trường hợp công ty TNHH NP không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo lãnh, thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số: 2*, tờ bản đồ số 5*-IV-37(1997), diện tích 140.9 m² số Giấy CNQSDĐ: 10107430145 do UBND TP. Hà Nội cấp 16/8/2000 cho Bà Bùi Thị T và được sang tên cho Bà Bùi Thị Phương L tại địa chỉ: tổ 2*B, phố B, phường G, Quận H, TP. Hà Nội.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại phố Đ, Phường V, Quận B, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 010127552404904 do UBND Quận B cấp ngày

12/3/2009 cho hộ Ông Đoàn NP còn phải tiếp tục chịu khoản tiền của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín số 003DN075/2012/HĐTD-VIB ngày 15/6/2012 kể từ sau ngày 15/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Công ty TNHH NP phải chịu số tiền 124.287.023đồng(một trăm hai bốn triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn không trăm hai ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP QT số tiền 63.112.000đ (Sáu mươi ba triệu một trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ngân hàng đã nộp theo biên lai số: 02896 ngày 02/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai, sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND Q.Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Hạnh